

Bản án số: 94/2024/DS-PT
Ngày: 16-5-2024
V/v tranh chấp thừa kế về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về Tranh chấp thừa kế về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 300/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn X, nơi cư trú: Số nhà A, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Tú H, nơi cư trú: Tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Phạm Thị Minh H1, nơi cư trú: Tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2021) (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Ngọc L, nơi cư trú: Tổ A, khu phố E, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Chị Phạm Thị Minh H1, nơi cư trú: Tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H2, nơi cư trú: Số nhà A, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2: Ông Phạm Văn X, nơi cư trú: Số nhà A, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 6 năm 2021) (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, nơi cư trú: Tổ A, khu phố E, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc Á: Ông Phạm Ngọc L, nơi cư trú: Tổ A, khu phố E, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 6 năm 2021) (có mặt).

5. Ông Trương Văn U, nơi cư trú: Tổ H, khu phố H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

6. Ông Lê Hữu N, nơi cư trú: Tổ F, khu phố G, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

7. Bà Trần Thị M, nơi cư trú: Xóm C, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

8. Bà Phạm Thị C, nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

9. Ủy ban nhân dân thành phố Q, trụ sở tại: Số nhà C, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Q: Ông Ngô Hoàng N1 là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch). Anh Phan Khắc D là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021) (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

10. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q, trụ sở tại: Số nhà C, đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ban Q và Phát triển quỹ đất thành phố Q: Bà Nguyễn Thị Minh V là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). Anh Phan Khắc D là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-BQL ngày 09 tháng 5 năm 2023) (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

11. Anh Lê Tấn P, nơi cư trú: Tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn X là nguyên đơn; Bà Nguyễn Thị Tú H là bị đơn; Ông Phạm Ngọc L, ông Trương Văn U, ông Lê Hữu N, bà Trần Thị M, bà Phạm Thị C là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn X đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Cha của ông tên là **Phạm N2**, chết ngày 03-8-1988, có 02 đời vợ là bà **Trần Thị Đ** (chết năm 1940) và bà **Nguyễn Thị L1** (chết năm 1974). Cha mẹ của ông **Phạm N2** là ông **Phạm D1** và bà **Trần Thị C1**, đều chết trước ông **N2**. Cha mẹ của bà **Nguyễn Thị L1** là ông **Nguyễn T** và bà **Hồ Thị H3**, đều chết trước bà **L1**. Ông **N2** và bà **Đ** sinh được 07 người con, gồm:

- Bà **Phạm Thị H4** (chết năm 1961), có chồng là ông **Trương Văn M1** (chết năm 2022 – cha, mẹ của ông **M1** chết trước ông **M1**), sinh được 01 người con là ông **Trương Văn U**.

- Bà **Phạm Thị C2** (chết năm 1992), có chồng là ông **Lê Bảo A** (chết năm 2018 – cha, mẹ của ông **A** chết trước ông **A**), sinh được 01 người con là ông **Lê Hữu N**.

- Ông **Phạm Minh N3** (chết năm 2019), có vợ là bà **Nguyễn Thị Tú H**, sinh được 01 người con là chị **Phạm Thị Minh H1**.

- Bà **Phạm Thị M2** (chết trước năm 1975), có chồng là ông **Trần X1** (chết năm 1994 – cha, mẹ của ông **X1** chết trước ông **X1**), sinh được 01 người con là bà **Trần Thị M**. Bà **M2** còn có 01 người con riêng là bà **Phạm Thị C**.

- Ông **Phạm S**, ông **Phạm B**, ông **Phạm T1** đều đã chết từ lúc nhỏ (khi chưa có vợ, chồng, con).

Ông **N2** và bà **L1** sinh được 03 người con, gồm: Ông **Phạm Minh X2**, bà **Phạm Thị B1** (chết lúc nhỏ) và ông **Phạm Ngọc L**.

Nhà, đất đang tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng ông **Phạm N2** và bà **Nguyễn Thị L1** tạo lập, có Trích lục địa bộ của Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ cấp ngày 13-4-1944 đứng tên **Phạm Nghi**. Cha mẹ ông xây dựng một ngôi nhà lá mái năm 1962, hiện nay thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, diện tích 552,2m², tọa lạc tại **tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**. Tất cả anh, em ông đều lớn lên và sống chung cùng một nhà, đất này. Sau đó, vì chung sống chật vật nên hộ gia đình ông và ông **Phạm Ngọc L** ra ở riêng để tự mưu sinh; còn hộ ông **Phạm Minh N3** (bị tàn tật) nên tạm thời ở với cha, mẹ.

Ngày 01-8-1988, cha ông viết Giấy giao nhà và đất để giao ngôi nhà và đất nêu trên kèm theo tờ Trích lục cho ông được toàn quyền sở hữu để lo giỗ chạp, thờ cúng cha mẹ, ông bà và các vong linh yếu tử, vì ông **N3** bị tàn tật không thể gánh vác được việc thờ cúng. Ông **N3** cũng thống nhất và không có ý kiến gì. Lúc đó, cha ông đang đau bệnh nhưng còn minh mẫn, nói ông viết rồi cha ông ký; có những người làm chứng gồm: **Hồ Văn N4, Nguyễn Văn T2, Trương Hắc H5, Hồ Văn E, Phan Khắc H6** đều ký trước mặt cha ông.

Sau khi cha ông chết, các anh, em, con, cháu thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản của cha ông để lại như trong Tờ thuận phân lập ngày 06-8-1988. Tờ thuận phân này và Sơ đồ giới cận nhà ở của Phạm Nghi do ông **Phạm Ngọc L** viết; các anh, chị, em và các cháu đều thống nhất ký tên; có 02 người làm chứng là **Hồ Văn S1** và **Trần Văn T3** và có Khu vực trưởng là ông **Nguyễn Ngọc N5** ký xác nhận. Nội dung phân chia như sau:

- Phần nhà từ đường gồm ngôi nhà của cha, mẹ để lại và sân trước, có giới cận như trong Tờ thuận phân: Phần này được sử dụng làm nơi thờ cúng, không được mua bán, chuyển nhượng, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào.

- Phần đất trống còn lại ở phía sau, kể cả lối đi chung ở phía Nam của thửa đất được phân chia cho ông N3, ông và ông L.

Hiện trạng nhà, đất cơ bản vẫn giống như trước đây. Phần chia cho ông và ông L còn để trống; phần chia cho ông N3 đã che cất ở. Ngôi nhà lá mái của cha mẹ đã được xây sửa lại 02 lần, cụ thể: Năm 2003, vợ chồng ông đã thay toàn bộ mái ngói, lánng toàn bộ nền nhà bằng bê tông xi măng kiên cố bằng nguồn tiền đóng góp của vợ chồng ông, vợ chồng ông L và các cháu; vợ chồng ông N3 không có góp tiền; vợ ông có đưa tiền cho ông N3 để làm nhà vệ sinh. Năm 2019, vợ chồng ông đã thay một số cột kèo bị mối ăn và làm lại 02 chái bằng nguồn tiền của vợ chồng ông và có đưa tiền cho ông N3 làm chuồng nuôi gà sinh song. Vì là đóng góp cho nhà từ đường nên vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết công sức, chi phí đóng góp.

Năm 2015, ông N3 đòi chia nhà thờ cúng trái với ý chí đã thỏa thuận tại Tờ thuận phân. Ông đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn khởi kiện yêu cầu không được chia nhà thờ cúng để có chỗ nhang khói ông bà. Tòa án đã triệu tập ông và ông N3 đến làm việc nhiều lần, kết quả ông N3 thống nhất như Tờ thuận phân không đòi chia nhà thờ cúng nữa. Sau đó, ông về nhà hỏi lại ông N3 lần nữa, ông N3 cũng thống nhất theo Tờ thuận phân, nên ông đã rút đơn khởi kiện. Thế nhưng, sau khi sửa chữa lại nhà lần hai, mẹ con bà Nguyễn Thị Tú H (vợ, con của ông N3) đã ngăn cản không cho ông vào và nói “*Đây là nhà của cha tôi để lại cho mẹ con tôi; tôi không biết ai và cũng không biết chuyện phân chia nhà thờ cúng gì cả*”. Vì vậy, ông khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu: Công nhận hiệu lực đối với Giấy giao nhà và đất lập ngày 01-8-1988, theo đó công nhận quyền sở hữu của ông đối với ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, diện tích 552,2m² (thực tế hơn 670m²), tọa lạc tại **tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**, để ông có điều kiện đi về lo hương khói cha mẹ, ông bà, tổ tiên như ý nguyện của cha ông.

Quá trình giải quyết vụ án, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án công nhận và phân chia di sản thừa kế của cha mẹ là nhà, đất thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43 theo Tờ thuận phân và Sơ đồ giới cận nhà ở của Phạm Nghi lập ngày 06-8-1988. Tuy nhiên, vì hòa giải không thành đưa ra xét xử nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo như đơn khởi kiện ban đầu giao nhà, đất cho ông được toàn quyền sở hữu để thờ cúng cha, mẹ, ông, bà, tổ tiên. Ông kiến nghị Tòa án bác bỏ các văn bản, thông báo, quyết định của Hội đồng giải phóng mặt bằng **thành phố Q** về việc thu hồi nhà, đất vì việc thu hồi đất không nhằm phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia, không đúng đối tượng nhận tiền bồi thường, không đúng hiện trạng và giá trị bồi thường. Tại phiên tòa hôm nay, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và không tiếp tục yêu cầu hủy bỏ quyết định hành chính của **Ủy ban nhân dân thành phố Q** về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Tú H** và người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Minh H** trình bày:

Về mối quan hệ huyết thống trong gia đình như ông X2 trình bày là đúng và đầy đủ. Nhà, đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha chị (tên là Phạm Minh N3) sử dụng ổn định từ trước năm 1993. Đến năm 1993, Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ gia đình chị gồm có 3 nhân khẩu là ông Phạm Minh N3 (chủ hộ), bà Nguyễn Thị Tú H và chị đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, diện tích 552,2m², trong đó có 200m² đất ở và 352,2m² đất vườn, tọa lạc tại tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Hiện trạng nhà thì đã có từ lâu, cha mẹ chị ở ổn định. Nhà được sửa chữa một lần cách đây gần 20 năm; sửa chữa dàn mè để lợp mái ngói; chi phí sửa chữa do anh em trong gia đình đóng góp, ông X2 là người đại diện thu tiền để sửa chữa, cha chị không có đóng góp tiền nhưng có đóng góp tre để làm dàn mè. Khi sửa chữa nhà có xảy ra cãi vã nhưng không có tranh chấp gì. Mẹ con chị có che mái hiên làm chuồng gà ở phía sau và làm thêm công trình nhà vệ sinh, không có xây mới bên cạnh hay phía sau nhà cũ. Năm 2021, ông X2 có dựng hai mái tole để nhận bồi thường, không có thay cột kèo bị mối ăn như ông X2 khai. Hiện trạng nhà, đất cơ bản vẫn giống như cũ. Vợ chồng chị có làm lại công ngõ, hàng rào; phần đóng góp của cha mẹ cũng như của vợ chồng chị thì chị không yêu cầu giải quyết.

Theo ông X2 khai nguồn gốc nhà, đất là do ông Phạm N2, bà Nguyễn Thị L1 để lại theo Giấy giao nhà và đất lập ngày 01-8-1988 với nội dung giao cho ông X2 quản lý, sở hữu toàn bộ nhà, đất và có trách nhiệm thờ cúng cũng như Tờ thuận phân lập ngày 06-8-1988, Sơ đồ giới cận nhà ở của Phạm N2 trong đó có sự thỏa thuận phân chia nhà, đất của Phạm N2, về việc này thì chị còn nhỏ nên không biết. Chị chỉ biết nhà, đất là của Nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình chị vào năm 1993; gia đình chị đã ở, sử dụng và đóng thuế đất từ năm 1992 đến nay. Theo Sổ địa chính kê khai, đăng ký thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, diện tích 352,2m² đất vườn, không có đăng ký đất ở; việc này do cha chị là người kê khai nên chị không biết vì sao không đăng ký đất ở nhưng hàng năm thì gia đình chị đều đóng thuế đất đầy đủ.

Chị thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án và không có ý kiến gì. Hiện nay, nhà, đất đang bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư K, phường N, thành phố Q (giai đoạn 2). Theo phương án thu hồi, giải phóng mặt bằng thì nhà, đất bị thu hồi một phần: Về phần đất vườn diện tích 352,2m² theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất nhưng thực tế sử dụng là 477,8m², phần ảnh hưởng của dự án là 424,2m², còn lại 53,6m²; về phần đất ở, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất là 200m², nhưng phương án bồi thường xác định có 150m² đất ở và phần bị ảnh hưởng bởi dự án là 70m², phần còn lại là 80m². Nếu thỏa thuận thì giao cho ông X2 phần đất còn lại sau khi thu hồi khoảng 130m² (đất ở 80m², đất vườn 50m²) để ông X2 thờ cúng ông bà hay làm gì thì làm; riêng phần cây cối và vật kiến trúc trên đất là của gia đình chị nên mẹ con chị được nhận theo giá trị nhà nước bồi thường. Tuy nhiên, vì không hòa giải được nên mẹ con chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X2; mẹ con chị xin được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhà, đất và lô đất tái định cư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Ngọc L** đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ngọc Á** trình bày: Ông thống nhất với lời khai của ông **X2** về mối quan hệ huyết thống trong gia đình; nguồn gốc nhà, đất tranh chấp; Giấy giao nhà và đất lập ngày 01-8-1988 với nội dung giao cho ông **X2** quản lý, sở hữu toàn bộ nhà, đất và có trách nhiệm thờ cúng và Tờ thuận phân lập ngày 06-8-1988, Sơ đồ giới cận nhà ở của **Phạm N2** trong đó có sự thỏa thuận phân chia nhà, đất của **Phạm Nghi**. Vợ chồng ông có đóng góp chi phí, công sức sửa chữa nhà ở của cha mẹ nhưng vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết. Nay ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông **X2**; nhưng nếu Tòa án chia giao theo Tờ thuận phân thì ông xin được nhận.

2. Ông **Trương Văn U** trình bày: Ông thống nhất về mối quan hệ huyết thống trong gia đình và nguồn gốc nhà, đất tranh chấp như lời khai của ông **X2**. Giấy giao nhà và đất lập ngày 01-8-1988 do ông ngoại (ông **N2**) và ông **X2** làm như thế nào ông không biết. Sau khi ông ngoại chết, gia đình phía ngoại họp mặt và thỏa thuận phân chia nhà, đất nêu trên. Tờ thuận phân lập ngày 06-8-1988 và Sơ đồ giới cận nhà ở của Phạm Nghi do ông **Phạm Ngọc L** viết; vợ chồng ông **X2**, vợ chồng ông **N3**, vợ chồng ông **L**, ông **A**, ông **N**, cha ông (ông **M1**) và ông đều thống nhất ký tên; có 02 người làm chứng là ông **Hồ Văn S1** và ông **Trần Văn T3**; có Khu vực trưởng là ông **Nguyễn Ngọc N5** ký xác nhận. Nội dung Tờ thuận phân thỏa thuận phân chia như sau:

- Phần nhà từ đường gồm ngôi nhà của ông bà ngoại để lại và sân trước có giới cận như trong Tờ thuận phân; phần này được sử dụng làm nơi thờ cúng, không được mua bán, chuyển nhượng, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào.

- Phần đất trống còn lại ở phía sau, kể cả lối đi chung được phân chia cho ông **N3**, ông **X2** và ông **L** theo như Tờ thuận phân và Sơ đồ giới cận.

Ông **N3** ở trong phần nhà từ đường từ nhỏ. Do bị tàn tật nên ông **N3** không có xây sửa hay đóng góp gì vào nhà từ đường. Vợ chồng ông **X2** có xây sửa lại nhà từ đường 02 lần theo như ông **X2** khai là đúng. Phần đất chia cho ông **X2** và ông **L** còn để trống. Phần đất chia cho ông **N3** trước đây đã che cất ở một thời gian, sau bị sập nên vợ chồng ông **N3** mới dọn vào ở trong nhà từ đường. Việc ông **X2** khởi kiện ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Nếu Tòa xử cho mẹ ông hưởng phần thừa kế thì ông giao lại làm nhà từ đường và giao cho ông **X2** sở hữu, thờ cúng ông bà.

3. Ông **Lê Hữu N** trình bày: Ông thống nhất như lời khai của ông **U**. Đối với việc ông **X2** khởi kiện, ông thống nhất như Tờ thuận phân và Sơ đồ giới cận nhà ở, không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

4. Bà **Trần Thị M** trình bày: Về phần quan hệ gia đình như ông **X2** khai là đúng. Bà bổ sung thêm về gia đình bà. Ba của bà tên là **Trần X1** (chết năm 1994); ông bà nội của bà thì bà không biết tên và chết trước cha bà. Mẹ bà là bà **Phạm Thị M2**, chết năm nào bà không nhớ, chỉ nhớ là chết trước năm giải phóng, không có giấy chứng tử. Mẹ bà có 02 người con là bà và bà **Phạm Thị C**. Bà thống nhất như Tờ thuận phân và Sơ đồ giới cận nhà ở theo bản khai của ông **X2**. Chị **H1** khai không đúng sự thật về khu vườn nhà ông ngoại của bà. Phần quyền lợi của bà nhận để lại làm nhà

từ đường, thờ cúng ông bà và giao cho ông X2 trọn quyền sở hữu, sửa chữa, tu bổ làm chỗ cho các cháu đi về thắp hương ông bà, nhớ cội nguồn.

5. Bà Phạm Thị C trình bày: Ông Phạm Văn X là cậu ruột của bà (em ruột của bà Phạm Thị M2). Mẹ bà chết khi bà còn nhỏ nên bà ở với ông ngoại (ông Phạm N2), còn cha của bà thì không biết là ai, vì bà M2 sinh ra bà không có khai báo họ tên cha nên bà mang họ mẹ. Bà M2 có chồng và sinh được 01 người con tên là Trần Thị M. Nguồn gốc nhà, đất tranh chấp do ông Phạm N2, bà Nguyễn Thị L1 tạo lập, sinh sống trên đó cho đến khi qua đời. Khi ông N2 chết, ông Phạm Minh N3 là con trai trưởng tiếp quản, sử dụng làm nơi thờ tự. Ông N3 có một người con gái tên là Phạm Thị Minh H1, hiện ở tại ngôi nhà này còn vợ của ông N3 tên gì thì bà không rõ. Riêng bà M2 (chị ruột của ông N3) có chồng khác tại P, T, Bình Định nên không còn ở ngôi nhà này. Tuy nhiên, bà M2 có đóng góp công sức gánh đất san nền, chặt cây làm nhà nhưng không có đóng góp tiền bạc gì và bà không yêu cầu giải quyết. Bà vẫn ở trong ngôi nhà này cùng với ông ngoại (Phạm N2) và cậu ruột (Phạm Minh N3) cho đến năm 1984 có chồng và theo chồng, không còn ở trong ngôi nhà này nữa cũng như không có đóng góp công sức, tiền bạc gì. Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất này thì bà hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, khi ông ngoại của bà chết, ông X có ở một thời gian, sau đó mua đất cất nhà ở riêng thì ngôi nhà này giao lại cho ông N3 quản lý, sử dụng. Bà không có yêu cầu, ý kiến, tranh chấp gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông X, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q và Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q là anh Phan Khắc D trình bày:

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 04-02-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch công trình Khu dân cư K, phường N, thành phố Q; Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 04-4-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường N (giai đoạn 2); Thông báo số 617/TB-UBND ngày 13-6-2016 về việc thu hồi đất dự án HTKT K, phường N, thành phố Q. Ngày 17-12-2020, Tổ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án đã xác lập Biên bản kiểm kê tổng hợp đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu và cây cối bị thiệt hại do GPMB để xây dựng công trình HTKT Khu dân cư khu vực 6, phường N (giai đoạn 2) với chủ hộ, cụ thể như sau: Gia đình ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), con dâu đại diện kê khai là bà Nguyễn Thị Tú H, thuộc diện hộ gia đình bị giải toả một phần thửa đất số số 252, tờ bản đồ số 43 diện tích thực tế 659,5m² (theo đo đạc mới) tại phường N, thành phố Q; tổng diện tích đất bị thu hồi là 525,9m², diện tích đất còn lại 133,6m².

Về nguồn gốc sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường N xác nhận tại Văn bản số 17/UBND-ĐC ngày 19-01-2021, Văn bản số 140/UBND-ĐC ngày 03-06-2021 và Văn bản số 171/UBND-ĐC ngày 07-7-2021 với nội dung xác nhận hộ ông

Phạm Minh N3 (chết), bà Nguyễn Thị Tú H (vợ) khai báo, địa chỉ tại tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q:

- Đất có nhà ở do cha, mẹ sử dụng vào trước ngày 15-10-1993. Cha là ông Phạm N2 (chết), mẹ là bà Trần Thị Đ (chết). Cha mẹ chết không để lại di chúc, vợ chồng ông N3 tiếp tục sử dụng đến nay. Phần diện tích đất chênh lệch tăng là do sai số trong quá trình thành lập hồ sơ địa chính. Hiện có tranh chấp về hàng thừa kế của ông N3. Đối với phần diện tích đất vườn đã được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 00691QSDĐ/08/QĐ-UB ngày 10-01-1998 (theo Sổ địa chính).

- Theo hồ sơ địa chính đã được đăng ký thông kê năm 1998, thửa đất số 252, tờ bản đồ 43, diện tích 552,2m², loại đất T, cập nhật tên chủ sử dụng đất là ông Phạm Minh N3. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ địa chính, thửa đất nêu trên có diện tích 597,4m². Theo đo đạc phục vụ dự án là thửa 252, tờ bản đồ 43, diện tích 659,5m², loại đất ODT do bà Nguyễn Thị Tú H (vợ ông N3) khai báo. Phần diện tích đất chênh lệch tăng 62m², trong đó: Phần diện tích đất lấn đất giao thông là 31,7m² vào sau ngày 01-7-2004 và trước ngày 01-7-2014 không bị lập biên bản vi phạm hành chính; phần diện tích đất còn lại là do sai số trong quá trình thành lập hồ sơ địa chính.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân phường N và chính sách quy định hiện hành; Hội đồng bồi thường đã tính toán áp giá lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Về tiền bồi thường: Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-UBND ngày 19-7-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q; tổng giá trị bồi thường của hộ ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), con dâu đại diện kê khai bà Nguyễn Thị Tú H là: 1.886.642.068 đồng.

- Về tái định cư: Căn cứ chính sách tái định cư quy định tại Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14-02-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh thì hộ ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), con dâu đại diện kê khai bà Nguyễn Thị Tú H được giao 01 lô đất tái định cư. Ngày 06-12-2021, Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 10112/QĐ-UBND về việc giao đất tái định cư cho hộ ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), con dâu đại diện kê khai bà Nguyễn Thị Tú H do ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án HTKT K, phường N, thành phố Q – Lô đất số 14, Khu A, diện tích 130m² (6,5m x 20m), đường D (lộ giới 24m), thuộc dự án HTKT K, phường N, thành phố Q để sử dụng vào mục đích ở; thu tiền sử dụng đất phải nộp là 1.260.000.000 đồng.

Ngày 19-7-2021, Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 5138/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), bà Nguyễn Thị Tú H (con dâu) đại diện kê khai để thực hiện dự án HTKT khu dân cư khu vực F, phường N, thành phố Q (đợt 9 – Giai đoạn 2). Ngày 20-7-2021, Ban Quản lý dự án thành phố Q ban hành Thông báo số 641/TB-BQL về việc yêu cầu nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất để xây dựng công trình HTKT K, phường N, thành phố Q (giai đoạn 2). Đến ngày 30-7-

2021, hộ ông **Phạm N2** (chết), vợ **Trần Thị Đ** (chết), con **Phạm Minh N3** (chết), con dâu đại diện kê khai bà **Nguyễn Thị Tú H** đã đăng ký nhận tiền bồi thường nhưng do tranh chấp về phân chia di sản thừa kế giữa ông **Phạm Văn X** và bà **Nguyễn Thị Tú H** nên **Ban Quản lý dự án thành phố Q** chưa chi trả.

Ngày 06-9-2021, **Ủy ban nhân dân thành phố Q** ban hành Thông báo số 583/TB-UBND về việc yêu cầu nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất để xây dựng công trình HTKT Khu dân cư khu vực 6, **phường N, thành phố Q** (Giai đoạn 2). Ngày 16-12-2021, Tổ công tác đã phối hợp **Ủy ban nhân dân phường N** mời hộ ông **Phạm N2** (chết), vợ **Trần Thị Đ** (chết), con **Phạm Minh N3** (chết), con dâu đại diện kê khai bà **Nguyễn Thị Tú H** tạm bàn giao lô đất tái định cư ngoài hiện trường nhưng đại diện hộ gia đình không đồng ý nhận đất và bà **H** đề nghị Nhà nước điều chỉnh tên trong quyết định giao đất tái định cư là giao đất cho hộ ông **Phạm Minh N3** (chết), bà **Nguyễn Thị Tú H**.

Về kiến nghị, khiếu nại của ông **Phạm Văn X** và bà **Nguyễn Thị Tú H** đã được **Ban Quản lý dự án thành phố Q** trả lời cho ông **X** và bà **H** tại các Văn bản số 808/BQL-GPMB ngày 30-12-2021, Văn bản số 279/BQL-GPMB ngày 22-4-2022 và Văn bản số 753/BQL-GPMB ngày 06-10-2022. Theo Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 24-8-2022 của **Ủy ban nhân dân thành phố Q** thì tiến độ thực hiện dự án **HTKT K, phường N** (giai đoạn 2) đến hết năm 2023. Như vậy, trình tự bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông **Phạm N2** (chết), vợ **Trần Thị Đ** (chết), con **Phạm Minh N3** (chết), con dâu đại diện kê khai bà **Nguyễn Thị Tú H** đã được **Ủy ban nhân dân thành phố Q** thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

7. Anh **Lê Tấn P** trình bày: Anh thống nhất theo như lời khai của chị **H1** và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 300/2021/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn X**.

2. Phần di sản thờ cúng: Giao cho ông **Phạm Văn X** được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất chưa bị thu hồi 133,6m² trong đó có 80m² đất ở và 53,6m² đất vườn (có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo) và một nhà vệ sinh trên đất (4,4m²) thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định để làm nhà thờ cúng. Ông **Phạm Văn X** được nhận, quản lý, sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là 604.603.457 đồng để xây dựng lại nhà thờ cúng của dòng họ trên phần diện tích đất chưa bị thu hồi nêu trên. Nếu sau này có tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

Ông **Phạm Văn X** có nghĩa vụ trích từ số tiền bồi thường nêu trên để thối lại cho bà **Nguyễn Thị Tú H**, chị **Phạm Thị Minh H1** giá trị nhà vệ sinh với số tiền là 8.399.000 đồng.

3. Ông **Phạm Văn X** được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia diện tích 134,5m² là 386.015.000 đồng; giá trị

chênh lệch lô đất tái định cư do bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 thối lại với số tiền là 360.000.000 đồng; tổng cộng là 746.015.000 đồng.

4. Ông Phạm Ngọc L được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia diện tích 117,8m² là 338.086.000 đồng; giá trị chênh lệch lô đất tái định cư do bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 thối lại với số tiền là 360.000.000 đồng; tổng cộng là 698.086.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia cho ông Phạm Minh N3 diện tích 179,8m² là 516.264.000 đồng; giá trị nhà vệ sinh do ông Phạm Văn X thối lại là 8.399.000 đồng; tiền bồi thường, hỗ trợ công trình, vật kiến trúc khác là 7.287.012 đồng; tiền bồi thường cây trồng là 14.886.600 đồng; tiền hỗ trợ tiền nhà ở và tiền thuê nhà ở là 14.500.000 đồng; tổng cộng là 561.336.612 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 được quyền sử dụng lô đất số 14 – Khu A, diện tích 130m², đường D (lộ giới 24m), thuộc khu H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước là 1.260.000.000 đồng theo Quyết định số 10112/QĐ-UBND ngày 06-12-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giao đất tái định cư.

Bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 có nghĩa vụ thối lại ông Phạm Văn X, ông Phạm Ngọc L giá trị chênh lệch lô đất tái định cư mỗi người được nhận số tiền là 360.000.000 đồng.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Q, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và bàn giao phần đất chưa bị thu hồi, lô đất tái định cư theo quyết định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được giao quyền quản lý, quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đất đai theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/12/2023, nguyên đơn ông Phạm Văn X kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận Giấy giao nhà và đất do ông Phạm N6 lập ngày 01/8/1988; Trường hợp Tòa án công nhận phân chia nhà đất theo Tờ thuận phân thì phải giao quyền được quản lý (kể cả giá trị bồi thường phát sinh đối với phần di sản nhà đất thờ cúng có 03 phần của 03 chị để thờ cúng bị Nhà nước thu hồi) cho ông và các đồng thừa kế theo thỏa thuận trong Tờ thuận phân và theo sơ đồ đo vẽ phân chia kèm theo Tờ thuận phân phần ai nấy nhận; xem xét bác bỏ các văn bản của Hội đồng giải phóng mặt bằng thành phố Q về việc thu hồi nhà, đất vì việc thu hồi đất không thỏa đáng, không hợp lệ.

Ngày 11/12/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Tú H kháng cáo yêu cầu xem xét lại nội dung của bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả lại tiền chênh lệch lô đất tái định cư vì đây là đất cấp cho mẹ con bà và yêu cầu tính là chi phí hỗ trợ tiền điện, nước.

Ngày 18/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Ngọc L** kháng cáo yêu cầu: Công nhận theo sơ đồ đo vẽ kèm theo Tờ thuận phân; Thống nhất phần đất trống sau nhà phân cho các ông **X**, **N3** và **L**; Không lấy phần nhà, đất thờ cúng ông bà giao cho vợ con của ông **N3**.

Ngày 20/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông **Trương Văn U**, **Lê Hữu N**, **Phạm Thị C** và **Trần Thị M** kháng cáo yêu cầu: Phần nhà, đất thờ cúng ông bà có phần của các bà **Phan Thị H7**, **Phạm Thị C2**, **Phạm Thị M2** để làm nhà thờ cúng; yêu cầu xem xét theo tờ thuận phân, kèm theo sơ đồ giới cận nhà ở; thống nhất phần đất trống sau nhà phân cho các ông **X**, **N3** và **L**; không lấy phần nhà, đất thờ cúng ông bà giao cho các bà **H** và **H1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Phạm Văn X**, bà **Nguyễn Thị Tú H**, ông **Phạm Ngọc L**, ông **Trương Văn U**; Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông **Lê Hữu N**, bà **Phạm Thị C** và bà **Trần Thị M**, sửa bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trương Văn U**, ông **Lê Hữu N**, bà **Trần Thị M**, bà **Phạm Thị C**, anh **Lê Tấn P** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Riêng người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố **Q** và Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố **Q** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông **Phạm Văn X**, bị đơn bà **Nguyễn Thị Tú H**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Ngọc L**, ông **Trương Văn U**, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế: Ông **N2** (chết ngày 03/8/1988) có vợ đầu là bà **Trần Thị Đ** (chết năm 1940). Sau khi bà **Đ** chết ông **N2** cưới người vợ thứ hai là bà **Nguyễn Thị L1** (chết năm 1974).

Vợ chồng ông **N2** bà **Đ** có 07 người con chung gồm:

- Bà **Phạm Thị H4** (chết năm 1961), có chồng là ông **Trương Văn M1** (chết năm 2022), bà **H4** ông **M1** có 01 người con là ông **Trương Văn U**;

- Bà **Phạm Thị C2** (chết năm 1992), có chồng là ông **Lê Bảo A** (chết năm 2018), bà **C2** ông **A** có 01 người con là ông **Lê Hữu N**;

- Ông **Phạm Minh N3** (chết năm 2019), có vợ là bà **Nguyễn Thị Tú H**, ông **N3** bà **H** có 01 người con là chị **Phạm Thị Minh H1**;

- Bà **Phạm Thị M2** (chết trước năm 1975) có chồng là ông **Trần X1** (chết năm 1994), bà **M2** ông **X1** có 01 người con là bà **Trần Thị M**, bà **M2** còn có 01 người con riêng là bà **Phạm Thị C**;

- Ông **Phạm S**, ông **Phạm B**, ông **Phạm T1** đều chết từ lúc nhỏ (không có vợ, con).

Ông **N2** bà **L1** sinh được 03 người con chung gồm:

- Ông **Phạm Văn X**;

- Bà **Phạm Thị B1** chết lúc nhỏ;

- Ông **Phạm Ngọc L**. Cha mẹ của ông **N2**, bà **Đ**, bà **L1** đều đã chết từ lâu (chết trước).

- Những người được hưởng di sản thừa kế theo qui định pháp luật của các cụ **N2**, **Đ**, **L1** còn sống tính đến thời điểm này gồm có: ông **X**, ông **L**, bà **H**, chị **H1**, ông **U**, ông **N**, bà **M**, bà **C**.

[2.2] Về Di sản của cụ **N2**, cụ **Đ**, cụ **L1** để lại là ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q** có diện tích thực tế 659,5m² (trong đó 150m² đất ở và 509,5m² đất vườn) của vợ chồng ông **Phạm N2**, bà **Trần Thị Đ** tạo lập, có Trích lục địa bộ của Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ cấp ngày 13/4/1944 đứng tên ông **Phạm Nghi**. Khoảng năm 1962, ông **N2**, bà **L1** tạo dựng được một ngôi nhà trên thửa đất này. Sau khi ông **Phạm Nghi** c Hồ sơ kỹ thuật thửa đất trên vào năm 1997 thể hiện ông **Phạm Minh N3** đứng tên kê khai chủ sử dụng và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế: Ngày 01/8/1988, ông **N2** viết Giấy giao nhà và đất với nội dung giao nhà, đất thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** kèm theo tờ Trích lục cho ông **X** được quyền sở hữu để lo giỗ chạp, thờ cúng cha mẹ, ông bà và các vong linh yếu tử.

Ngày 03/8/1988, ông **N2** chết. Đến ngày 06/8/1988, các con cháu của ông **N2** thống nhất lập Tờ thuận phân thỏa thuận phân chia di sản của ông **N2** để lại phân chia nhà, đất nêu trên thành các phần gồm: Nhà từ đường (ngôi nhà do ông **N2**, bà **L1** tạo lập) gắn liền với 240m² đất ở gồm cả sân trước; Phần nhà sau và đất vườn trồng tiếp giáp phía sau nhà từ đường diện tích 175,5m² giao cho ông **N3**; Phần đất trồng tiếp nối phía sau giao cho ông **L** 121,3m² và ông **X** 127,4m² bên cạnh; có vẽ sơ đồ giới cận và có chữ ký của vợ chồng ông **N3** bà **Tú H**, vợ chồng ông **X** bà **H**, vợ chồng ông **L** bà **A**, ông **M1**, ông **A**, ông **U**, ông **N**, các nhân chứng ông **Trần Văn T3**, ông **Hồ Văn S1** và đại diện Ban hành chính khu phố 6 ông **Nguyễn Ngọc N5** ký xác nhận vào ngày 20/6/2006.

Trong Tờ thuận phân có đoạn “*Các giấy tờ có liên quan đến nhà từ đường và đất này của trước đây không còn giá trị. Có giá trị là Tờ thuận phân phân chia ngày 06 tháng 8 năm 1988 được lập thành 4 bản, mỗi người giữ một bản có giá trị như nhau, hợp lý, hợp pháp như nhau.*”. Quá trình giải quyết vụ án, ông **U**, ông **N**, bà **M**, bà **C** đều khai thống nhất với Tờ thuận phân, không tranh chấp; chị **H1** khai không biết Tờ thuận phân vì lúc đó chị chưa sinh ra nhưng không yêu cầu giám định chữ ký của ông **N3**, bà **Tú H**. Như vậy, di sản của ông **N2**, bà **Đ**, bà **L1** đã được các

đồng thừa kế thống nhất phân chia theo Tờ thuận phân ngày 06/8/1988 có giá trị pháp lý, phù hợp với Điều 656 của Bộ luật Dân sự.

Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, diện tích thực tế 659,5m² (Trong đó: đất ở 150m² và 509,5m² đất vườn) tọa lạc tại **tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực 6, **phường N** (giai đoạn 2). Tổng diện tích bị thu hồi theo quyết định số 5138 ngày 19/7/2021 của **UBND thành phố Q** diện tích 525,9m², diện tích đất còn lại 133,6m²; được bồi thường tổng số tiền 1.886.642.068 đồng, được cấp lô đất tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất 1.260.000.000 đồng.

Đối với phần diện tích còn lại gồm 80m² đất ở và 53,6m² đất vườn: Quá trình sinh sống theo chi **H1** khai gia đình chi có xây dựng công trình phụ nhà vệ sinh trên đất. Theo biên bản định giá ngày 31/12/2021 thì nhà vệ sinh có giá 8.399.000 đồng; Phần đất chia giao cho ông **L**, ông **X** theo Tờ thuận phân đã có sự phân chia ranh giới, đóng cọc mốc trên thực địa từ sau khi phân chia theo Tờ thuận phân. Qua đo đạc, phần đất của ông **L** có diện tích 121,3m² (đất vườn), phần đất của ông **X** có diện tích 127,4m² (đất vườn). Theo phương án bồi thường về giá đất vườn và được hỗ trợ 50% giá đất ở thì ông **L** được nhận 348.131.000 đồng, ông **X** được nhận 365.638.000 đồng, phần đất bà **H** + chi **H1** có diện tích 175,5m² được nhận 503.268.000 đồng và bồi thường đất từ đường 70m² đất ở x 5.000.000đ/m² = 350.000.000 đồng. Phần đất vườn và đất ở còn lại theo phương án bồi thường gắn liền với nhà từ đường 53,6m² đất vườn và 80m² đất ở không bị thu hồi (đã trừ 31,7m² đất lấn chiếm hành lang giao thông không được công nhận và bồi thường) = 133,6m².

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của **UBND thành phố Q** phê duyệt phương án bồi thường phù hợp theo Tờ thuận phân ngày 06/8/1988 các đồng thừa kế đều thống nhất: số tiền giải tỏa bồi thường là: 1.886.642.068 đồng gồm các khoản: Diện tích bồi thường 659,5m² - 31,7m² đất hàng lang đường bộ không bồi thường = 627,8m² (đất ở 150m², đất vườn 477,8m²), nhà nước giải tỏa bồi thường: 424,2m² đất vườn và 70m² đất ở, diện tích đất ở còn lại (150m² - 70m²) = 80m², diện tích đất vườn còn lại (477,8m² - 424,2m²) = 53,6m². Tiền bồi thường đất ở: 5.000.000 đồng/m², tiền bồi thường đất vườn + chi hỗ trợ 50% = 2.870.000 đồng/m².

Ngoài ra UBND thành phố bồi thường: Di dời nhà từ đường các hạng mục xây dựng và cây cối hoa màu... số tiền: 299.688.068 đồng - (trong đó: tiền hoa màu 14.836.600 đồng + công trình nhà vệ sinh 8.399.000 đồng) = 276.452.468 đồng. Vậy số tiền bồi thường nhà từ đường và đất ở (70m² đất ở + tiền lui nhà và công trình) = (70m² x 5.000.000 đồng/m² + nhà từ đường) = (350.000.000 đồng + 276.452.468 đồng) = 626.452.468 đồng.

Bồi thường đất vườn: 424,2m² đất vườn, giá trị bồi thường 2.870.000 đồng/m², phần ông **X** được bồi thường là: 127,4m² x 2.870.000 đồng/m² = 365.638.000 đồng, ông **L** được bồi thường 121,3m² x 2.870.000 đồng /m² = 348.131.000 đồng, Bà **Tú H** + chi **H1** được bồi thường 175,5m² x 2.870.000 đồng = 503.685.000 đồng. Vợ chồng bà **H** ở tại nhà, đất này trên 33 năm, nay chuyển chỗ ở mới giao lại nhà từ đường cho ông **X** quản lý nên mẹ con bà **H** được hỗ trợ, bồi thường các khoản tiền

sau: (tiền trợ cấp thuê nhà dời chỗ ở mới + bồi thường hoa màu + bồi thường nhà vệ sinh + bồi thường đất vườn) tổng cộng = 19.500.000 đồng + 14.836.600 đồng + 8.399.000 đồng + 503.685.000 đồng = 546.420.600 đồng.

Theo Tờ thuận phân ngày 06/8/1988 và ý chí của các đồng thừa kế thì phần nhà từ đường giao cho ông X trực tiếp quản lý, sử dụng để thờ cúng, không được mua bán, chuyên nhượng, thế chấp bất cứ hình thức nào.

Các đồng thừa kế thống nhất giao cho ông X được quyền quản lý, sử dụng phần đất không bị thu hồi 133,6m² (trong đó có 80m² đất ở, 53,6m² đất vườn) cùng với số tiền bồi thường (đất nhà từ đường bị giải tỏa trắng) sau khi đã căn trừ giá trị phần đất không bị thu hồi còn lại là 626.452.468 đồng, để xây dựng lại nhà thờ cúng của dòng họ; nếu sau này có tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về phần đất tái định cư: Theo biên bản định giá ngày 31/12/2021 giá trị đất tái định cư 18.000.000 đồng/m² x 130m² = 2.340.000.000 đồng.

Khi nhà, đất bị thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, phần đất chưa bị thu hồi giao cho ông X làm di sản thờ cúng thì mẹ con bà Tú H không còn chỗ ở nào khác nên Hội đồng xét xử giao cho bà Tú H, chị H1 được quyền sử dụng lô đất tái định cư theo Quyết định số 10112/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q để xây dựng nhà ở mới, cụ thể: Lô đất số 14 – Khu A, diện tích 130m², đường D (lộ giới 24m), thuộc khu H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; bà Tú H, chị H1 có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước là 1.260.000.000 đồng. Trên cơ sở đó, bà Tú H, chị H1 được nhận khoản hỗ trợ tiền nhà ở và tiền thuê nhà ở là 14.500.000 đồng trong thời gian tạo dựng chỗ ở mới. Lô đất tái định cư không phải là di sản thừa kế của ông N2, bà Đ, bà L1 vì theo quy định tại Điều 86 của Luật Đất đai thì lô đất này được bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi (đã được bồi thường bằng tiền) thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở. Theo biên bản định giá ngày 31/12/2021 giá trị đất tái định cư 18.000.000 đồng/m² x 130m² = 2.340.000.000 đồng, nếu so với số tiền sử dụng đất phải nộp 1.260.000.000 đồng thì số tiền chênh lệch 1.080.000.000 đồng = (2.340.000.000 đồng – 1.260.000.000 đồng), đây là khoản lợi ích phát sinh từ di sản thừa kế mà theo Tờ thuận phân thì ông N3, ông X, ông L được hưởng như nhau. Do đó, bà Tú H, chị H1 có nghĩa vụ thối lại ông X, ông L mỗi người được nhận 360.000.000 đồng = (1.080.000.000 đồng : 3).

[3] Tại Văn bản số 763/UBND-TN ngày 13/3/2024 của UBND thành phố Q trả lời đơn của ông Phạm Văn X đã khẳng định:

“...Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, nhà của UBND phường N và kết quả kiểm kê tổng hợp của Tổ công tác BT, GPMB của dự án; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã tính toán và được UBND thành phố Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để xây dựng công trình HTKT Khu dân cư KV6, phường N, thành phố Q (giai đoạn 2 – đợt 9) tại Quyết định số 5129/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 (trong đó có hộ ông Phạm N2 (chết), vợ Trần Thị Đ (chết), con Phạm Minh N3 (chết), con dâu đại diện kê khai: bà Nguyễn Thị Tú H) là đúng theo quy định pháp luật.

...Nhu vậy, việc ông **Phạm Văn X** kiến nghị với nội dung: Nhà và đất của ông bị thu hồi để thực hiện công trình **Khu dân cư K, phường N** thì phải bồi thường theo giấy giao nhà ngày 01/8/1988 và Tờ thuận phân ngày 06/8/1998 (theo sơ đồ giới cận nhà ở, đất ở) thỏa đáng thì ông mới giao đất để Nhà nước giải phóng mặt bằng, vì nhà và đất của ông có giấy tờ phân chia rõ ràng là không có cơ sở xem xét giải quyết...”.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Phạm Văn X**, bà **Nguyễn Thị Tú H**, ông **Phạm Ngọc L**, ông **Trương Văn U** do sai sót về số tiền, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Hữu N**, bà **Trần Thị M**, bà **Phạm Thị C** kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông **N**, bà **M**, bà **C**.

[5] Về án phí.

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông **X**, bà **H**, ông **L** là người cao tuổi nên không phải chịu.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị **Phạm Thị Minh H1** phải chịu 12.928.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông **X**, bà **Tú H**, ông **L**, ông **U** là người cao tuổi không phải chịu.

Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà **Trần Thị M**, ông **Lê Hữu N**, bà **Phạm Thị C** mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà **M**, ông **N**, bà **C** đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản 4.000.000 đồng ông **X** đã nộp tạm ứng. Căn cứ vào Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đồng thừa kế đều phải chịu phần bằng nhau nên bà **Tú H**, chị **H1** có nghĩa vụ hoàn trả cho ông **X** 4.000.000 đồng; Ông **L** có nghĩa vụ hoàn trả cho ông **X** 4.000.000 đồng.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Phạm Văn X**, bà **Nguyễn Thị Tú H**, ông **Phạm Ngọc L**, ông **Trương Văn U**; Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông **Lê Hữu N**, bà **Phạm Thị C** và bà **Trần Thị M**, Áp dụng

khoản 2 điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 651, 652, 656, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Phạm Văn X**, bà **Nguyễn Thị Tú H**, ông **Phạm Ngọc L**, ông **Trương Văn U**; Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông **Lê Hữu N**, bà **Phạm Thị C** và bà **Trần Thị M**. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 300/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn X**.

3. Phân di sản thờ cúng: Giao cho ông **Phạm Văn X** được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất chưa bị thu hồi 133,6m² (trong đó có 80m² đất ở và 53,6m² đất vườn) (có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo) và một nhà vệ sinh trên đất (4,4m²) thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu phố F, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** để làm nhà thờ cúng. Ông **Phạm Văn X** được nhận, quản lý, sử dụng số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là 626.452.468 đồng để xây dựng lại nhà thờ cúng của dòng họ trên phần diện tích đất chưa bị thu hồi nêu trên. Nếu sau này có tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để giải quyết trong vụ án khác.

4. Ông **Phạm Văn X** được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia diện tích 127,4m² là 365.638.000 đồng; giá trị chênh lệch lô đất tái định cư do bà **Nguyễn Thị Tú H**, chị **Phạm Thị Minh H1** thối lại với số tiền là 360.000.000 đồng; tổng cộng là 725.638.000 đồng.

5. Ông **Phạm Ngọc L** được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia diện tích 121,3m² là 348.131.000 đồng; giá trị chênh lệch lô đất tái định cư do bà **Nguyễn Thị Tú H**, chị **Phạm Thị Minh H1** thối lại với số tiền là 360.000.000 đồng; tổng cộng là 708.131.000 đồng.

6. Bà **Nguyễn Thị Tú H**, chị **Phạm Thị Minh H1** được nhận và được quyền sở hữu các khoản tiền sau: Tiền bồi thường phần đất vườn được chia cho ông **Phạm Minh N3** diện tích 175,5m² là 503.685.000 đồng; giá trị nhà vệ sinh là 8.399.000 đồng; tiền bồi thường, hỗ trợ công trình, tiền bồi thường cây trồng là 14.836.600

đồng; tiền hỗ trợ tiền nhà ở và tiền thuê nhà ở là 19.500.000 đồng; tổng cộng tiền bồi thường là 546.420.600 đồng.

7. Giao cho bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 được quyền sử dụng lô đất số 14 – Khu A, diện tích 130m², đường D (lộ giới 24m), thuộc khu H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước là 1.260.000.000 đồng theo Quyết định số 10112/QĐ-UBND ngày 06-12-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giao đất tái định cư.

Bà Nguyễn Thị Tú H, chị Phạm Thị Minh H1 có nghĩa vụ thối lại ông Phạm Văn X, ông Phạm Ngọc L giá trị chênh lệch lô đất tái định cư mỗi người được nhận số tiền là 360.000.000 đồng.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Q, Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất và bàn giao phần đất chưa bị thu hồi, lô đất tái định cư theo quyết định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được giao quyền quản lý, quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính đất đai theo quy định của pháp luật.

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Chi phí thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng và chi phí định giá 4.000.000 đồng ông X đã nộp tạm ứng, bà Nguyễn Thị Tú H chị Phạm Thị Minh H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Văn X 4.000.000 đồng.

Ông Phạm Ngọc L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Văn X 4.000.000 đồng.

10. Về án phí:

10.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn X, bà Nguyễn Thị Tú H, ông Phạm Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm nhưng được miễn nộp vì thuộc diện người cao tuổi.

Chị Phạm Thị Minh H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 12.928.400 đồng.

10.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông X, bà Tú H, ông L, ông U là người cao tuổi không phải chịu.

Bà Trần Thị M, ông Lê Hữu N, bà Phạm Thị C mỗi người phải chịu 300.000 đồng được trừ tạm ứng án phí bà M, ông N, bà C đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0000378, 0000379, 0000377 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

11. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

11.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

11.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- CCTHADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà